

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC LẠC
TỈNH THANH HOÁ**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST

Ngày 18/6/2021

V/v ly hôn.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẠC, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thanh Hùng.

Ông Phạm Đức Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Hà, Thư ký Toà án nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NL tham gia phiên tòa: Ông Lê Hồng Ngoạn - Kiểm sát viên

Ngày 18/5/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2021/TLST-HNGĐ ngày 22/3/2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/5/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2021/QĐST - HNGĐ ngày 28/5/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị X- Sinh năm 1964.

Nơi ĐKKHKT: Thôn CS(Nay là thôn TS), xã TL, huyện NL, Thanh Hóa.
Nơi ở hiện nay: Ấp 3, xã TL, huyện PG, tỉnh Bình Dương. (Chị X có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Phạm Văn T- Sinh năm 1962. (Vắng mặt lần thứ 2)

Địa chỉ: Thôn CS (Nay là thôn TS), xã TL, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn là chị Trần Thị X trình bày: Chị và anh Phạm Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1982 không đăng ký kết hôn và kể từ đó đến nay cũng chưa đăng ký kết hôn lần nào. Sau khi chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 5/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người bất đồng với nhau về quan điểm sống và cách cư xử trong gia đình., nên từ cuối tháng 5 năm 2020 đến nay, chị và anh T đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T theo quy định của pháp luật.

Về con cái: Chị và anh Phạm Văn T có 04 con chung là Phạm Thị T- Sinh ngày 12/8/1987; Phạm Thị H- Sinh ngày 12/10/1988; Phạm Văn H - Sinh ngày 08/01/1992 và - Sinh ngày 07/7/1995. Hiện nay các con Phạm Thị Thanh, Phạm Thị H, Phạm Văn H và Phạm Văn L đã trưởng thành, khỏe mạnh bình thường, tự lao động nuôi được bản thân, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc giao nuôi con.

Về tài sản: Chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Phạm Văn T có mặt theo địa chỉ ghi trong đơn khởi kiện và đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh Phạm Văn T không trình bày ý kiến về việc chị Trần Thị X yêu cầu ly hôn, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải, cũng không tham gia phiên tòa. Tòa án xét thấy việc anh Thăng vắng mặt thuộc trường hợp bị đơn từ chối khai báo, nên tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật Tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện việc tuân theo pháp luật phù hợp với quy định của pháp luật, việc bị đơn vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải và tại phiên tòa là bị đơn tự bỏ đi quyền lợi và nghĩa vụ của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Trần Thị X được ly hôn anh Phạm Văn T. Về con chung: Chị X và anh T có 04 con chung đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh bình thường tự lao động nuôi sống bản thân, chị X không yêu cầu việc giao nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật. Chị X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định

[1]. Về hôn nhân: Xét lời trình bày của chị X phù hợp các tài liệu có trong hồ sơ, đủ cơ sở kết luận chị X và anh T tự nguyện sống chung với nhau trước ngày 03/01/1987 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực pháp luật, chị X và anh T không đăng ký kết hôn và kể từ đó đến nay cũng không đăng ký kết hôn lần nào. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh được công nhận là hôn nhân thực tế. Nay chị X xin ly hôn anh Phạm Văn T Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình là phù hợp quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình. Xét nguyện vọng ly hôn của chị Trần Thị X thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Văn T không trình bày ý kiến về việc chị Xuân xin ly hôn, anh Thăng không tham gia phiên hòa giải, không tham gia phiên tòa, điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị X.

[2]. Về con cái: Lời trình bày của chị X về việc không đề nghị Tòa án giải quyết giao nuôi con thấy rằng: Căn cứ sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Phạm Văn T, bản sao chứng minh thư nhân dân và lời trình bày của cháu Phạm Thị H, đủ cơ sở xác định: Chị Trần Thị X và anh Phạm Văn T có 04 con chung là Phạm Thị T- Sinh ngày 12/8/1987; Phạm Thị H- Sinh ngày 12/10/1988; Phạm Văn H - Sinh ngày 08/01/1992 và Phạm Văn L- Sinh ngày 07/7/1995. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T không trình bày ý kiến về việc giao nuôi con. Hiện nay các con của chị X, anh T đã trưởng thành, trên 18 tuổi khỏe mạnh, tự lao động nuôi bản thân, chị X không yêu cầu giải quyết giao nuôi con là phù hợp, nên chấp nhận.

[3]. Về tài sản: Chị Trần Thị X không đề nghị Tòa án giải quyết, trong quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Văn T cũng không có ý kiến về phần tài sản, nên về phần tài sản Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về trình tự thủ tục giải quyết vắng mặt anh Phạm Văn T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong đơn khởi kiện chị X đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của người bị kiện là anh Phạm Văn T. Anh T đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, việc anh T vắng mặt thuộc trường hợp bị đơn từ chối khai báo, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung là phù hợp với quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối Cao, Hướng dẫn một số quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử xét thấy: Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

[6]. Về án phí: Chị Xuân phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Các Điều 51; 56; 57 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị X.

Về hôn nhân: Chị Trần Thị X được ly hôn anh Phạm Văn T.

Về con cái: Chị X và anh T có 04 con chung đã trưởng thành, khỏe mạnh, tự lao động nuôi bản thân, nên Tòa án không giải quyết việc giao nuôi con.

Về án phí: Chị Trần Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị X đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền số: AA/2019/0011726 ngày 22/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NL, tỉnh Thanh Hóa.

Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị X và anh Phạm Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện NL;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Cơ quan THA huyện NgọcLặc;
- Các đương sự;
- UBND xã TL, huyện NL;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Vinh